



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

Protecting Disadvantaged Victims of Crime in Vietnamese Law

Nguyen Van Ha*

Hanoi Bar Association, No. 1 Ton That Thuyet, Cau Giay, Hanoi

Received 4th September 2024

Revised 25th April 2025; Accepted 26th August 2025

Abstract: Vietnamese law has established specific, detailed regulations that are periodically adjusted, amended, supplemented, and replaced to align with socio-economic conditions in order to protect crime victims. This approach not only focuses on punishing and prosecuting offenders to maintain legal order and uphold the rigor and fairness of the law, but it also gradually incorporates comprehensive regulations aimed at protecting victims throughout the process - from the initial infringement to the point where they can independently exercise their rights as they did prior to the violation. Victims of crime are central subjects defined and protected by law, with the purpose of minimizing and preventing harm caused by criminal acts. This article discusses the protection of crime victims, particularly those from vulnerable groups under current Vietnamese law, with a focus on children, persons with disabilities, and the elderly. It further aims to identify areas requiring further research and improvement in this new context.

Keywords: Protection of victims, contemporary Vietnamese law, vulnerable groups.

* Corresponding author.

E-mail address: haluatsu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4692>

Bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế trong pháp luật Việt Nam

Nguyễn Văn Hà*

Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, số 1 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 4 tháng 9 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 4 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 8 năm 2025

Tóm tắt: Pháp luật Việt Nam đã có những quy định rất cụ thể, chi tiết và được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng giai đoạn cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trong việc bảo vệ nạn nhân của tội phạm. Cách tiếp cận trên không chỉ dừng lại ở việc trừng trị, xử lý người thực hiện hành vi phạm tội để bảo vệ trật tự kỷ cương pháp luật, đảm bảo tính nghiêm khắc, nghiêm minh của pháp luật, mà dần dần các quy định trong việc bảo vệ nạn nhân hướng đến các quy định mang tính tổng thể, toàn diện bảo vệ nạn nhân từ khâu ban đầu bị xâm phạm cho đến khi họ có thể tự mình giải quyết, thực hiện các quyền như khi chưa bị xâm phạm. Nạn nhân của tội phạm là đối tượng trung tâm được pháp luật quy định, bảo vệ với mục đích giảm thiểu và ngăn ngừa tối đa thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Chính vì vậy, việc bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế trong pháp luật Việt Nam đương đại sẽ được tác giả nghiên cứu, phân tích, luận giải ở một số khía cạnh và được giới hạn trong phạm vi đối tượng là trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi, để từ đó nêu ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Bảo vệ nạn nhân, pháp luật Việt Nam đương đại, một số nhóm yếu thế.

1. Dẫn nhập

Việc bảo vệ nạn nhân của tội phạm trong pháp luật Việt Nam đã có những quy định khái quát, cụ thể để hướng đến bảo vệ quyền lợi tối đa cho họ. Qua từng thời kỳ, các quy định của pháp luật cũng đặt ra những tiêu chí, quy định để ngày càng đảm bảo tốt hơn nữa cho các nạn nhân. Pháp luật của các quốc gia trên thế giới và pháp luật Việt Nam đều có những cách tiếp cận liên quan đến nạn nhân của tội phạm ở nhiều góc độ khác nhau nhưng đều hướng đến đảm bảo quyền lợi hợp pháp tốt nhất cho họ. Ngoài việc quy định các biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với người đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho nạn nhân, mỗi nước sẽ có những chính sách, cách tiếp cận hướng đến bảo vệ nạn

nhân để đưa ra các biện pháp phù hợp. Trong một số trường hợp, việc chỉ quy định nạn nhân của tội phạm với việc phân hóa, phân biệt sâu sắc hơn nạn nhân của tội phạm căn cứ vào từng nhóm đối tượng cụ thể sẽ cho chúng ta có những cách tiếp cận mới, phù hợp hơn cho từng chủ thể để trên cơ sở đó sẽ có những quy định điều chỉnh cụ thể căn cứ vào từng đối tượng cụ thể. Pháp luật Việt Nam đã có quy định về nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế nhưng còn tản mạn, nằm rải rác ở các văn bản pháp luật khác nhau nên việc đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế vẫn chỉ dừng lại ở góc độ tương ứng với các nạn nhân thông thường khác. Việc nghiên cứu và lựa chọn để bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế với đối tượng cụ thể là trẻ em, người khuyết

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: haluatsu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4692>

tật và người cao tuổi là để tìm ra những nguyên tắc cơ bản trong việc vận dụng, hoàn thiện các chính sách pháp luật bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế trong pháp luật Việt Nam hiện nay.

2. Một số vấn đề lý luận về bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế

2.1. Khái niệm nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế

Pháp luật của mỗi quốc gia trên thế giới đều có những quy định chung liên quan đến việc điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể trong đời sống xã hội trên cơ sở điều kiện kinh tế xã hội của quốc gia mình. Về cơ bản liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật, pháp luật của các quốc gia đều quy định tập trung đến đối tượng chính là người bị buộc tội (nghỉ can, người bị tình nghi, bị can, bị cáo) và người bị hại (nạn nhân, bị hại, người bị thiệt hại). Để có sự nhận thức đầy đủ về khái niệm nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế, tác giả tiếp cận và nghiên cứu khái niệm này ở một số quốc gia, ở một số phương diện và góc độ khác nhau để có cách nhận diện đa chiều, bản chất của khái niệm nạn nhân của tội phạm.

Pháp luật Hoa Kỳ quy định về nạn nhân tội phạm hoặc người bị hại được quy định, định nghĩa rất khác nhau tùy theo từng tình huống hay từng loại tội phạm. Các bang khác nhau cũng có những quan điểm và định nghĩa khác nhau về nạn nhân của tội phạm. Theo pháp luật bang Alaska, “Người bị hại (nạn nhân của tội phạm) là người bị một hành vi phạm tội xâm phạm đến” [1]. Thuật ngữ nạn nhân tội phạm được hiểu rộng rãi và phổ biến, nhất là “người thực tế bị thiệt hại hoặc bị đe dọa gây thiệt hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản bị đe dọa như là một kết quả trực tiếp của tội phạm, trong trường hợp nạn nhân của tội phạm đã chết hoặc không đủ năng lực hành vi thì bố mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người đó là nạn nhân của tội phạm” [2].

Nhóm những nước theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa (Civil Law) thường xem người

bị thiệt hại do tội phạm gây ra như là nạn nhân của tội phạm hoặc bên bị thiệt hại. Pháp luật của những nước này không đưa ra khái niệm pháp lý về nạn nhân của tội phạm và cũng không có sự phân biệt đó là người bị hại hay nguyên đơn dân sự [3].

Pháp luật Trung Quốc có đề cập đến nạn nhân của tội phạm nhưng tiếp cận ở một góc độ khác. Cụ thể, Bộ luật Tố tụng hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1996) có quy định về bên đương sự gồm: người bị hại, người bị tình nghi, bị can, nguyên đơn dân sự, bị đơn của vụ kiện dân sự (Điều 82) và tại Bộ luật Tố tụng hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (2012) cũng quy định tương tự (Điều 106). Như vậy, pháp luật Trung Quốc có quy định về người bị hại và nguyên đơn dân sự nhưng không đưa ra khái niệm pháp lý đối với từng chủ thể tham gia tố tụng.

Pháp luật Liên bang Nga quy định về nạn nhân của tội phạm được xác định là người bị hại và phải có quyết định của cơ quan công quyền để phân biệt địa vị tố tụng giữa các chủ thể. Theo Bộ luật Tố tụng hình sự của Liên bang Nga (2001) quy định: Người bị hại là thể nhân bị thiệt hại về thể chất, tài sản, tinh thần do tội phạm gây ra, cũng như pháp nhân trong trường hợp bị thiệt hại về tài sản và uy tín do tội phạm gây ra. Quyết định công nhận người bị hại được thể hiện bằng quyết định của kiểm sát viên, dự thẩm viên hoặc Tòa án (Điều 42) [4]. Các nội dung này đã được quy định kế thừa và bổ sung tiếp theo trong các Luật Liên bang sửa đổi năm 2007 và 2010.

Định nghĩa về người bị hại được quy định trong Phần A của Bộ luật Phòng chống và Ứng xử đối với người phạm tội (Millan 1985) của Liên hợp quốc đã khẳng định “Nạn nhân của tội phạm là người, thể nhân hoặc pháp nhân, bị thiệt hại, bao gồm cả tổn hại về thể chất hoặc tinh thần, cảm xúc đau khổ, thiệt hại về kinh tế hoặc suy giảm đáng kể các quyền cơ bản của họ, bị gây ra bởi hành động hoặc không hành động vi phạm pháp luật hình sự đã được ký kết giữa các thành viên” [5].

Pháp luật Việt Nam cũng chưa đưa ra khái niệm cụ thể về nạn nhân của tội phạm. Trong các quy định của pháp luật, khái niệm người bị hại

theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và nay là khái niệm bị hại được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã xác định: Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra (Điều 62). Như vậy, xét về quyền và lợi ích hợp pháp cần bảo vệ đối với người bị hại bởi hành vi vi phạm pháp luật thì khái niệm bị hại và khái niệm nạn nhân của tội phạm là giống nhau [6].

Trong hoạt động tố tụng hình sự, với tư cách là người tham gia tố tụng, bị hại hay nạn nhân của tội phạm có vị trí, vai trò rất quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án và giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Trong nghiên cứu tội phạm học, vấn đề nạn nhân không chỉ nhằm giúp cho việc đánh giá đúng tính chất, mức độ của tình hình tội phạm mà qua nghiên cứu mối liên hệ giữa nạn nhân với tội phạm có thể tìm hiểu được nguyên nhân và điều kiện của một số loại tội phạm cũng như cho phép dự đoán được tình hình tội phạm. Đây là những vấn đề quan trọng giúp cho quá trình đấu tranh, phòng, chống thiếu sót nhất định trong quá trình phòng ngừa tội phạm, đặc biệt là các biện pháp liên quan đến nạn nhân của tội phạm.

Chính vì vậy, việc đưa ra khái niệm bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thể là hết sức cần thiết. Tác giả đưa ra khái niệm như sau: Bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thể là hệ thống các biện pháp đồng bộ do Nhà nước quy định để hạn chế, loại trừ, ngăn chặn những hành vi xâm phạm đến thể chất, tinh thần hoặc quyền và lợi ích hợp pháp khác của nhóm yếu thể, thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho họ khi bị tội phạm xâm hại, tránh xảy ra tình trạng bị đe dọa và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

2.2. Đặc điểm bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thể

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã khẳng định rất cụ thể về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp. Theo đó, ở Việt Nam, các quyền con

người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thể đương nhiên được hưởng các quyền con người tương tự như bất kỳ đối tượng nào trong cộng đồng xã hội mà không có sự phân biệt đối xử. Nhóm yếu thể là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi được nghiên cứu, đề cập trong các quy định của pháp luật với góc độ là những chủ thể có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm so với các chủ thể khác.

- Nhóm yếu thể là trẻ em

Pháp luật Việt Nam đã xác định tất cả những người dưới 16 tuổi được xác định là trẻ em, còn theo Công ước về quyền trẻ em của Liên hợp quốc thì trẻ là người dưới 18 tuổi. Việt Nam là thành viên của Công ước này từ năm 1985. Sự khác nhau về độ tuổi quy định đối với trẻ em không phải là sự mâu thuẫn giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế, mà đó chính là việc nội luật hóa các quy định của công ước quốc tế vào thực tế của Việt Nam sao cho phù hợp, đảm bảo tốt nhất theo điều kiện của Việt Nam, phù hợp với tinh thần của Công ước về Quyền trẻ em. Luật Trẻ em năm 2016 thay thế Luật Bảo vệ, Chăm sóc giáo dục trẻ em năm 2004 đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc thực hiện và đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nhằm đảm bảo tốt hơn các quyền lợi hợp pháp cho trẻ em. Như vậy, ngay từ khâu ban đầu trẻ em đã được pháp luật đưa ra các biện pháp bảo vệ phù hợp để bảo đảm trẻ em được sống an toàn, lành mạnh trong gia đình, nhà trường và xã hội để trẻ em có điều kiện phát triển tốt nhất. Việc đưa ra các biện pháp bảo vệ tốt nhất cho trẻ em là xuất phát từ chính lứa tuổi của trẻ em vì không thể tự bảo vệ mình và luôn cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội.

- Nhóm yếu thể là người khuyết tật

Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

Ngoài những quyền cơ bản của công dân, người khuyết tật còn có các quyền cụ thể như sau: tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội; sống độc lập, hòa nhập cộng đồng; được miễn hoặc giảm một số khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội; được trợ cấp hàng tháng; được chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, học văn hóa, học nghề, việc làm, trợ giúp pháp lý, tiếp cận công trình công cộng, phương tiện giao thông, công nghệ thông tin, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch và dịch vụ khác phù hợp với dạng tật và mức độ khuyết tật; các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Công ước về quyền của người khuyết tật được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua ngày 13/03/2007 đã khẳng định, các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp về lập pháp, hành pháp, xã hội, giáo dục và các biện pháp khác để bảo vệ người khuyết tật không bị bất kỳ hình thức bóc lột, bạo hành hoặc lạm dụng nào, kể cả bóc lột, bạo hành hoặc lạm dụng trên cơ sở giới, bất kể trong hay ngoài gia đình. Các quốc gia thành viên phải thông qua pháp luật và chính sách hiệu quả, để bảo đảm rằng mọi vụ việc bóc lột, bạo hành và lạm dụng đối với người khuyết tật đều phải được phát hiện, điều tra và truy tố nếu cần [7].

Như vậy, so với Công ước về quyền của người khuyết tật, pháp luật Việt Nam quy định về người khuyết tật cơ bản cũng tiếp cận theo quy định của Công ước và có quy định phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Người khuyết tật được quy định ở các cấp độ chế độ chăm sóc, hỗ trợ trong việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, việc làm, văn hóa, thể thao, giải trí, tiếp cận công trình công cộng, tham gia giao thông, trợ giúp pháp lý. Các quy định về bảo vệ người khuyết tật trong hoạt động tố tụng tư pháp hoặc các biện pháp bảo vệ ban đầu cho người khuyết tật cũng còn ở mức độ hạn chế nhưng nó là những biện pháp bảo vệ cơ bản, tạo điều kiện tốt nhất cho người khuyết tật cũng như thể hiện được chính sách của Nhà nước đối với nhóm đối tượng yếu thế.

- Nhóm yếu thế là người cao tuổi

Theo quy định của Luật Người cao tuổi năm

2009, người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên. Người cao tuổi được bảo đảm các nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe; quyết định sống chung với con, cháu hoặc sống riêng theo ý muốn; được ưu tiên khi sử dụng các dịch vụ theo quy định của pháp luật có liên quan; được tạo điều kiện tham gia hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch và nghỉ ngơi; được tạo điều kiện làm việc phù hợp với sức khỏe, nghề nghiệp và các điều kiện khác để phát huy vai trò người cao tuổi; được miễn các khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội, trừ trường hợp tự nguyện đóng góp; được ưu tiên nhận tiền, hiện vật cứu trợ, chăm sóc sức khỏe và chỗ ở nhằm khắc phục khó khăn ban đầu khi gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc rủi ro bất khả kháng khác; được tham gia Hội người cao tuổi Việt Nam theo quy định của Điều lệ Hội; các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Như vậy, luật chuyên ngành của từng nhóm đối tượng yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi đã có những quy định mang tính nguyên tắc trong việc bảo vệ họ ở những khâu ban đầu trong các mối quan hệ xã hội. Xuất phát từ yếu tố đặc trưng cơ bản của từng nhóm yếu thế, mỗi văn bản luật đã có những quy định phản ánh đặc trưng của từng nhóm yếu thế để từ đó đưa ra những chính sách bảo vệ bởi Nhà nước bằng các thiết chế phù hợp. Cũng từ đặc trưng cơ bản của mỗi nhóm yếu thế là không giống nhau nên các quy định trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho từng nhóm sẽ không giống nhau và nó mới chỉ dừng lại ở những quy định bảo vệ mang tính chung nhất, khái quát nhất chứ chưa quy định mang tính chi tiết, đặc biệt là các vấn đề bảo vệ liên quan đến các hoạt động tư pháp, hình sự. Mặt khác, mỗi chủ thể trong xã hội khi tham gia vào các hoạt động trong đời sống xã hội, có thể sẽ đứng ở những vị trí, vai trò khác nhau nên việc quy định cụ thể quyền chi tiết để bảo vệ họ trong văn bản luật chuyên ngành là điều không thể. Mà lúc đó, căn cứ vào luật chuyên ngành cho từng lĩnh vực cụ thể để xác định trách nhiệm của mỗi chủ thể khi tham gia vào các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

3. Quy định về bảo vệ nạn nhân của tội phạm trong một số lĩnh vực

3.1. *Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017* là văn bản pháp luật quy định chi tiết về hoạt động trợ giúp pháp lý cho các chủ thể là đối tượng yếu thế khi vướng vào các vấn đề liên quan đến pháp luật. Đây là hoạt động cử luật sư, cử trợ giúp viên pháp lý cho những đối tượng được trợ giúp pháp lý và họ không phải trả tiền. Nhà nước sẽ trả tiền cho trợ giúp viên, cho luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thay cho họ. Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật [8]. Những đối tượng được trợ giúp pháp lý là những đối tượng thuộc nhóm yếu thế, trong đó có trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi nhưng không phải được trợ giúp pháp lý trong mọi trường hợp mà phải căn cứ vào từng điều kiện cụ thể.

Đối với trẻ em thì đây là đối tượng đương nhiên được trợ giúp pháp lý mà không cần bất cứ điều kiện gì. Đối với người cao tuổi và người khuyết tật thì đây là hai đối tượng được trợ giúp pháp lý với điều kiện là phải có khó khăn về tài chính. Điều kiện có khó khăn về tài chính phải là người thuộc hộ cận nghèo hoặc là người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật [9]. Trong trường hợp này, dù trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi là người bị tình nghi thực hiện hành vi phạm tội hay là nạn nhân của tội phạm thì đều được quyền nhờ trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Đây là chính sách nhân đạo, nhân văn của Nhà nước giành cho nhóm người yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi trong trường hợp họ không thể tự mình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và không có điều kiện thuê luật sư để bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho mình thì Nhà nước sẽ cử luật sư, cử trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ trong quá trình tố tụng.

3.2. *Luật Phòng chống mua bán người năm 2011* quy định việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi mua bán người và các hành vi khác vi

phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người; tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người; trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trong phòng, chống mua bán người [10]. Xét về góc độ quyền con người, luật này quy định về các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân trong các vụ án mua bán người.

Pháp luật đi từ những quy định chung nhất để bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân trong các vụ án mua bán người. Luật quy định về các hành vi cấm gồm mua bán người theo quy định tại Điều 119 và Điều 120 của Bộ luật Hình sự; chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; cưỡng bức người khác hoặc môi giới để người khác thực hiện các hành vi mua bán người; trả thù, đe dọa trả thù nạn nhân, người làm chứng, người tố giác, người tố cáo, người thân thích của họ hoặc người ngăn chặn hành vi mua bán người; lợi dụng hoạt động phòng, chống mua bán người để trục lợi, thực hiện các hành vi trái pháp luật; cản trở việc tố giác, tố cáo, khai báo và xử lý hành vi mua bán người; kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân; tiết lộ thông tin về nạn nhân khi chưa có sự đồng ý của họ hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân; giả mạo là nạn nhân.

Từ các hành vi cấm liên quan đến công tác phòng chống mua bán người, pháp luật đã đưa ra các nguyên tắc trong công tác phòng chống mua bán người để đảm bảo sự đồng bộ trong quá trình phòng chống tội phạm mua bán người, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân mua bán người. Nạn nhân mua bán người có thể là bất kỳ ai và nguy cơ cao có thể trở thành nạn nhân của tội phạm mua bán người chính là nhóm yếu thế trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ, người nghèo. Chính vì vậy, các nguyên tắc đó là thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi mua bán người; giải cứu, bảo vệ, tiếp nhận, xác minh, hỗ trợ nạn nhân kịp thời, chính xác; tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp và không kỳ thị, phân

biệt đối xử đối với nạn nhân; phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống mua bán người; ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời, chính xác hành vi mua bán người; tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và pháp luật, tập quán quốc tế.

Từ những nguyên tắc chung mang tính định hướng để thực hiện công tác phòng chống mua bán người, pháp luật đã đưa ra những biện pháp, phương án xử lý, bảo vệ phù hợp với từng đối tượng chủ thể, đặc biệt là các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người. Về công tác phòng ngừa, cần thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và cộng đồng trong phòng, chống mua bán người; đề cao cảnh giác, tích cực tham gia phòng, chống mua bán người. Về công tác phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống mua bán người, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác từ các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm trong hoạt động nghiệp vụ phòng chống tội phạm. Về công tác tiếp nhận, xác minh và bảo vệ nạn nhân, sẽ tiếp nhận, xác minh nạn nhân trên cơ sở nạn nhân bị mua bán trong nước, nạn nhân được giải cứu và nạn nhân từ nước ngoài trở về trên cơ sở các căn cứ, tài liệu, giấy tờ từ các nạn nhân, các cơ quan, tổ chức, cá nhân để từ đó có chính sách hỗ trợ và tư vấn phù hợp. Quá trình thực hiện các biện pháp bảo vệ nạn nhân cần áp dụng các biện pháp cần thiết để giải cứu; trường hợp người đó bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản thì áp dụng các biện pháp bảo vệ, bảo vệ cho nạn nhân và người thân thích của họ như giữ bí mật thông tin về nơi cư trú, bố trí nơi tạm lánh, ngăn chặn các hành vi xâm hại. Hỗ trợ nạn nhân là người Việt Nam, người không quốc tịch về nhu cầu thiết yếu, đi lại, tâm lý, y tế, trợ giúp pháp lý, học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn,... tùy theo từng trường hợp cụ thể.

3.3. *Luật Phòng chống ma túy năm 2021* quy định về phòng, chống ma túy; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; cai nghiện ma túy; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy [11]. Nạn nhân của tội phạm về ma túy không chỉ dừng lại ở những người sử dụng ma túy, người nghiện ma túy mà nó còn là những người thân thích trong gia đình của họ, thậm chí còn có thể là cơ quan, tổ chức nơi mà người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy sinh sống, làm việc. Chính vì vậy, pháp luật về phòng chống ma túy đã đưa ra các chính sách mang tính đồng bộ để một mặt vừa thực hiện công tác phòng chống ma túy, một mặt là đưa ra các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy như: Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ma túy; kết hợp với phòng, chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác; tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng, chống ma túy; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy; ưu tiên nguồn lực phòng, chống ma túy cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, khu vực biên giới và địa bàn phức tạp về ma túy. Cán bộ, chiến sĩ thuộc cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi phù hợp với tính chất nhiệm vụ, địa bàn hoạt động theo quy định của Chính phủ. Bảo vệ, hỗ trợ cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống ma túy; quản lý chặt chẽ người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy; khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện ma túy, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; khuyến khích cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy. Bảo đảm kinh phí cai nghiện ma túy bắt buộc; hỗ trợ kinh phí cai nghiện ma túy tự nguyện, kinh phí quản lý sau cai nghiện ma túy. Tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào hoạt

động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng, chống tái nghiện ma túy được miễn, giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Như vậy, chính sách của Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện công tác phòng chống ma túy không chỉ nhằm bảo vệ các nạn nhân là người sử dụng trái phép chất ma túy, người thân thích của họ, các thành viên khác trong gia đình họ mà còn đưa ra các biện pháp để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc thực hiện công tác phòng chống ma túy theo quy định để đạt kết quả cao nhất trong công tác đấu tranh phòng chống ma túy, tội phạm về ma túy.

3.4. Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình; điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình [12]. Luật đã xác định rất cụ thể các hành vi bạo lực gia đình để trên cơ sở đó đưa ra các biện pháp bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình. Điều đặc biệt là cách tiếp cận của Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 có sự khác biệt so với Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007, đó là không cào bằng tất cả các thành viên trong gia đình đều được hưởng các chính sách bảo vệ như nhau mà đã có sự phân hóa cụ thể, đặc biệt là những thành viên trong gia đình thuộc nhóm yếu thế và tương ứng với thành viên đó là những hành vi bạo lực có thể tác động trực tiếp được pháp luật dự liệu trước để có thể áp dụng biện pháp phòng ngừa tốt nhất. Nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi là nhóm người có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của hành vi bạo lực gia đình. Trước khi ban hành Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022, các cơ quan có thẩm quyền đã nghiên cứu, đánh giá và tổng kết việc thi hành các quy định của Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 và đã chỉ ra rằng 69% trẻ em cho biết đã từng bị bố mẹ xử phạt bằng bất kỳ hình thức nào như đánh, đấm, đập, tát,... và 31,6% cha mẹ thừa nhận họ đã xử phạt con bằng hình thức bạo lực. Đáng chú ý, trẻ em cũng là nhóm

yếu thế có nguy cơ cao bị xâm hại tình dục trong gia đình, theo đó trong số trẻ bị xâm hại tình dục có tới 21,3% bị chính người thân trong gia đình xâm hại. Cũng theo nghiên cứu này, bạo lực gia đình với người cao tuổi, người khuyết tật diễn ra khá phổ biến ở nhiều địa phương. Các hành vi bạo lực với người cao tuổi, người khuyết tật như “bỏ mặc không quan tâm về tình cảm” chiếm 10,2%, “không quan tâm, chăm sóc ăn uống, thuốc men” chiếm 8,5% bên cạnh các hành vi khác như bị ép buộc lao động, bị tranh giành tài sản thừa kế, bị đập phá tài sản, tịch thu tiền, bị coi thường, sỉ nhục, quát mắng, dọa nạt [13].

Chính vì vậy, các biện pháp bảo vệ nạn nhân của bạo lực gia đình được quy định rất cụ thể và là quy định mới trong Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 như biện pháp góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư được thực hiện đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên hay người thực hiện hành vi bạo lực gia đình phải có nghĩa vụ thực hiện công việc phục vụ cộng đồng, đây là biện pháp mới được áp dụng đối với người thực hiện hành vi bạo lực gia đình và cũng đồng nghĩa với việc bảo vệ nạn nhân, ngăn chặn, phòng ngừa các hành vi bạo lực gia đình.

4. Bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế và những vấn đề bất cập

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, nạn nhân của tội phạm được quy định ở phạm vi rất rộng, trong đó có thể hiểu bao trùm tất cả những khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Xét về bản chất, nạn nhân của tội phạm là chủ thể bị tác động, chịu thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản hoặc các quyền và lợi ích khác do hành vi phạm tội gây ra. Nạn nhân của tội phạm được phân chia thành nhiều loại khác nhau dựa trên căn cứ vào địa vị pháp lý của nạn nhân, căn cứ vào cơ chế tác động của hành vi phạm tội đến nạn nhân hay căn cứ vào vai trò của nạn nhân trong cơ chế thực hiện hành vi phạm tội. Bên cạnh đó, có một số trường hợp đặc thù căn cứ về thể chất, trạng thái tinh thần, đặc điểm

tâm lý, hiểu biết của mỗi con người để trên cơ sở đó định lượng ra nhóm nạn nhân cụ thể, trong đó nạn nhân là trẻ em, nạn nhân là người khuyết tật, nạn nhân là người cao tuổi, nạn nhân là người nhập cư, nạn nhân là những người mắc bệnh hiểm nghèo. Bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi trong pháp luật Việt Nam đương đại được tác giả đề cập với góc độ là bị hại. Để giải quyết và bảo vệ quyền lợi tốt nhất các vụ việc thấu tình đạt lý, dựa trên cơ sở pháp luật vững chắc để bảo vệ quyền lợi cho mỗi công dân, dù bên đó là các bên tranh chấp, bị hại, nạn nhân hay bị can, bị cáo đòi hỏi phải có một nền tư pháp trong sạch, cán bộ dân thân cho việc duy trì, bảo vệ lẽ phải và công lý [14]. Chính vì vậy, bị hại - nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, là con người cụ thể, bị hành vi phạm tội gây thiệt hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản thì cần thiết phải có những biện pháp bảo vệ phù hợp và ở những mức độ triệt để, thiết thực hơn. Pháp luật hình sự quy định việc bảo vệ bị hại - nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế ở những nội dung cụ thể như phân tích dưới đây.

4.1. Quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của bị hại

Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định cụ thể các biện pháp bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế mà khi tham gia tố tụng được xác định với tư cách là bị hại. Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra [15]. Khi hành vi phạm tội xảy ra gây thiệt hại cho bị hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản tức là thiệt hại đã xảy ra thì dù mức độ thiệt hại như thế nào thì pháp luật bắt buộc người thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, việc khắc phục các thiệt hại và đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bị hại như thế nào thì phải cứ vào các quy định của pháp luật để đảm bảo sự bình đẳng cho các chủ thể trước pháp luật. Chính vì vậy, Bộ luật Tố tụng hình sự đã quy định cụ thể, chi tiết các quyền của bị hại trong quá trình tố tụng, đó là bị

hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền được nhận thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là bị hại trong vụ án theo quy định; có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; được quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án, liên quan đến việc gây thiệt hại và yêu cầu người có thẩm quyền tổ tụng kiểm tra, đánh giá; được quyền đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật; được quyền thông báo kết quả điều, giải quyết vụ án; được quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; được quyền đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường; được quyền tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, xem biên bản phiên tòa; được quyền tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định; được quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; được quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án, khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự khi tham gia tố tụng.

Về cơ bản, tất cả các quyền của bị hại thuộc một số nhóm yếu thế là những hành vi mang tính chất tố tụng mà bị hại được thực hiện hoặc yêu cầu thực hiện để bảo vệ công lý, để được bồi thường thiệt hại theo luật dân sự. So với những người bình thường, người thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, việc thực hiện quyền sẽ bị hạn chế hơn nếu họ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quyền này thì có thể các quyền lợi hợp pháp của bị hại sẽ bị ảnh hưởng, khả năng tiếp cận công lý thấp hơn. Hơn nữa trên thực tế, một số quyền của bị hại thuộc một số nhóm yếu thế, dù được quy định rất cụ thể nhưng thực chất lại mang tính hình thức mà nguyên nhân từ phía cơ quan tiến hành tố tụng. Ví dụ về quyền của bị hại được thông

báo kết quả giải quyết, kết quả điều tra. Với quyền này, tác giả thấy rằng nó chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị hại bởi lẽ toàn bộ quá trình điều tra vụ án, kết luận về việc người thực hiện hành vi phạm tội có đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm hay không, các căn cứ chứng minh như thế nào và cơ quan tiến hành tố tụng đã kết luận và chuyển sang cơ quan Viện Kiểm sát cùng cấp để đề nghị truy tố. Đối với bị can thì họ được nhận toàn văn bản kết luận điều tra, còn đối với bị hại chỉ có bản thông báo về việc kết thúc điều tra. Trong trường hợp này, bị hại thuộc một số nhóm yếu thế sẽ rất khó khăn trong việc xem xét, có ý kiến, đánh giá như thế nào liên quan đến vụ án bởi vì họ không có quyền được nhận toàn văn bản kết luận điều tra thì không thể biết nội dung bản kết luận điều tra nêu cụ thể, chi tiết như thế nào và do vậy bị hại sẽ rất khó có ý kiến về việc đồng ý hoặc phản đối nội dung bản kết luận điều tra. Ngay cả người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng chỉ nhận được thông báo về việc kết luận điều tra hoặc thông báo truy tố, không được nhận toàn văn bản kết luận điều tra hay cáo trạng truy tố nên việc can thiệp, hỗ trợ pháp lý cho bị hại rất hạn chế và không mang tính kịp thời.

Quyền của bị hại được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự được tiếp cận trên cơ sở các quy định chung nhất và giống nhau đối với tất cả các bị hại, không có sự phân biệt. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, việc quy định bình đẳng như vậy phần nào chưa có sự phân hóa, đánh giá khách quan, toàn diện đối với chủ thể là bị hại thuộc một số nhóm yếu thế. Trong quá trình triển khai thực hiện, các quyền của bị hại được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự chưa phù hợp đối với một số nhóm bị hại đặc thù thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi.

4.2. Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp

Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm sự. Theo đó, Bộ luật đã liệt kê rất nhiều các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự, trong đó có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là người thực hiện hành vi phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên; phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác. Đây là những tình tiết để xác định trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi phạm tội, nếu việc thực hiện hành vi phạm tội của mình mà phạm tội đối với những bị hại trên sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức độ cao hơn so với các trường hợp bị hại là chủ thể thông thường. Các tình tiết tăng nặng này sẽ áp dụng trực tiếp đối với bị can, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đối với những nhóm bị hại đặc thù này và đó cũng là những biện pháp bảo vệ nạn nhân của tội phạm mang tính trực tiếp, xử lý nghiêm khắc đối với bị can, bị cáo đã xâm hại đến bị hại thuộc một số nhóm yếu thế và hình thành ý thức cho những người khác chấp hành và tuân thủ pháp luật, hạn chế việc xâm phạm, gây thiệt hại đối với một số nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi.

Bộ luật Hình sự đưa ra khái niệm “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, người đủ 70 tuổi trở lên, người khuyết tật nặng hoặc người khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức”, trong khi luật chuyên ngành đã có những khái niệm cụ thể về chủ thể là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi. Việc quy định không đồng nhất nêu trên giữa Bộ luật Hình sự với luật chuyên ngành phần nào đó cũng làm ảnh hưởng đến việc bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế. Ví dụ, khi nạn nhân của tội phạm là người khuyết tật, cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành điều tra, xác minh để làm rõ xem người khuyết tật có phải là người khuyết tật nặng hoặc người khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người bị hạn chế khả năng nhận thức hay không. Để xác định khuyết tật nặng, đặc biệt nặng thì không có vấn đề gì lớn, nhưng để xác định như thế nào là người bị hạn chế khả năng nhận thức thì sẽ khó hơn, đòi hỏi có kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền, trong khi bản chất họ chính là người khuyết tật. Việc quy định như vậy

sẽ gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng cũng như cho chính bị hại là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi trong quá trình giải quyết vụ án, tạo ra những vấn đề mâu thuẫn không cần thiết giữa bị can, bị cáo và bị hại.

4.3. Quyền có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nạn nhân trong quá trình tố tụng

Bị hại thuộc một số nhóm yếu thế có quyền tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là người được bị hại nhờ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và họ có thể là luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân, người đại diện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có các quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; yêu cầu giám định, định giá tài sản; có mặt khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói của người mà mình bảo vệ; đọc, ghi chép, sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của bị hại và đương sự sau khi kết thúc điều tra; tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa; xem biên bản phiên tòa; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; kháng cáo phần bản án, quyết định của Tòa án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

Về cơ bản, quyền của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thuộc một số nhóm yếu thế tương ứng với quyền của người bào chữa cho bị can, bị cáo. Tuy nhiên, quyền của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại hạn chế hơn so với quyền của người bào chữa như không có quyền được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến

hành hoạt động điều tra khác theo quy định; đề nghị triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; không có quyền kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; không được quyền nhận bản kết luận điều tra, bản cáo trạng,... Việc bị hạn chế quyền hơn so với người bào chữa sẽ làm ảnh hưởng đến quyền tự bảo vệ, quyền nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nói chung, trong đó đặc biệt là bị hại thuộc một số nhóm yếu thế, đồng nghĩa với việc các biện pháp bảo vệ nạn nhân của tội phạm chưa thực sự phù hợp, trong khi đó xét về vị trí, vai trò của người bảo vệ và của người bào chữa là như nhau trong hoạt động tố tụng.

Đối với bị hại thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi thì việc có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là rất cần thiết. Tuy nhiên, đối với bị can, bị cáo mà thuộc trường hợp đặc thù là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi thì hầu hết là bắt buộc phải có người bào chữa. Trường hợp nếu họ không tự nhờ thì cơ quan tiến hành tố tụng sẽ có trách nhiệm cử người bào chữa cho họ. Trong khi đó, đối với bị hại thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi thì trong Bộ luật Tố tụng hình sự không có quy định nào cụ thể về việc bắt buộc phải có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ nên dẫn đến việc áp dụng mang tính chất tùy nghi, khó khăn trong quá trình áp dụng trên thực tế và khó bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi.

4.4. Trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

Nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự đó là tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân. Mọi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng phải được triển khai theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng của công dân, xem xét thường xuyên các quyết định tố tụng đã được áp dụng để đảm bảo sự phù hợp, kịp thời thay đổi, hủy bỏ những biện

pháp nếu xét thấy không còn phù hợp, không còn cần thiết hoặc nó ảnh hưởng hoặc xâm phạm quyền lợi của người khác. Quy định này vừa tôn trọng và đảm bảo quyền của các bị can, bị cáo nhưng đồng thời là những biện pháp bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế. Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ, người bảo vệ quyền lợi của đương sự đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước tòa án. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền đó [16]. Trên thực tế, nếu vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi thì trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự không có sự phân biệt nào đối với bị hại nói chung.

Một số vụ án về các tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất. Trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì vụ án phải được đình chỉ. Trong trường hợp có căn cứ để xác định người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã rút yêu cầu, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án vẫn có thể tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án. Người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại, trừ trường hợp rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức. Đối với bị hại thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi thì việc chứng minh tự nguyện, hay bị ép buộc, cưỡng bức là điều không dễ dàng vì trong quy định của pháp luật không quy định về trình tự, thủ tục làm đơn trình báo hoặc rút đơn trình báo đối với nhóm chủ thể này.

4.5. Giải quyết vấn đề dân sự, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự

Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nạn nhân của

tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế. Theo đó, quá trình giải quyết vụ án hình sự sẽ được giải quyết luôn các vấn đề dân sự kèm theo. Trường hợp vấn đề dân sự mà chưa có điều kiện để chứng minh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì vấn đề dân sự sẽ được tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác theo tố tụng dân sự. Việc quy định như vậy là rất cần thiết, một mặt vẫn luôn bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của nạn nhân nhưng mặt khác vẫn đảm bảo việc giải quyết vụ án hình sự và xử lý người thực hiện hành vi phạm tội đúng trình tự, thủ tục, đúng pháp luật, đảm bảo công tác phòng chống tội phạm và công tác phòng ngừa, giáo dục chung.

Tuy nhiên, quy định của pháp luật và trên thực tế, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự gắn liền với việc điều tra, chứng minh hành vi phạm tội của bị can, bị cáo. Trong Bộ luật Tố tụng hình sự cũng chưa đưa ra những tiêu chí, điều kiện cụ thể để tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Việc tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết riêng theo thủ tục tố tụng dân sự mới chỉ hướng đến việc giải quyết vụ án hình sự, xử lý người phạm tội và thực hiện công tác quản lý, xử lý người phạm tội chứ chưa xem xét thấu đáo đến quyền lợi chính đáng của bị hại thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi. Nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế này khi đã bị thiệt hại bởi hành vi phạm tội thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn về thể chất, tinh thần, tài sản và các vấn đề khác. Nếu những thiệt hại này mà không thể bù đắp, bồi hoàn cho họ trong thời gian sớm nhất thì vô hình chung khó khăn của họ sẽ trở thành cấp số nhân mà nguyên nhân không phải do họ gây ra trong khi hành vi phạm tội gây thiệt hại bao nhiêu thì bồi thường trong dân sự sẽ được thực hiện tương ứng bấy nhiêu. Trong nhiều trường hợp, bị can bị cáo nhận phải mức án cao và họ không có hoặc chưa có điều kiện để bồi thường cho bị hại – điều này cũng có nghĩa là bị hại sẽ phải tự chịu thiệt hại. Trong trường hợp này, chính sách và các quy định bảo vệ nạn nhân của tội phạm không còn đảm bảo ý nghĩa ban đầu của nó.

4.6. Bồi thường thiệt hại cho người bị oan

Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng phải bồi thường cho người bị thiệt hại; người đã gây ra thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, người bị oan có quyền được phục hồi danh dự, được bồi thường tổn thất về tinh thần, bồi thường thiệt hại vật chất, trong trường hợp người bị oan chết, được bồi thường thiệt hại vật chất trong trường hợp bị tổn thất về sức khỏe, được trả lại tài sản và bồi thường trong trường hợp tài sản bị xâm hại, được bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất. Bộ luật Tố tụng hình sự quy định bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan. Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã làm oan phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan; người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 cũng đã quy định rất cụ thể, chi tiết về xác định thiệt hại, thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giam giữ, thiệt hại về vật chất do người bị thiệt hại chết, thiệt hại về vật chất do sức khỏe bị xâm phạm, thiệt hại về tinh thần, các chi phí khác được bồi thường, khôi phục các quyền, lợi ích hợp pháp khác đối với người bị thiệt hại, trả lại tài sản, phục hồi danh dự,... [17]. Điều đó khẳng định rằng các quy định của pháp luật đều hướng đến các biện pháp bảo đảm tối đa nhất để bảo vệ nạn nhân của tội phạm, trong đó có nạn nhân thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi.

Tuy nhiên, từ thực tiễn một số vụ án oan sai đã xảy ra, bị hại là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi khi yêu cầu bồi thường thường phải xuất trình và chứng minh rất nhiều các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường. Việc chứng minh và xuất trình các tài liệu đối với họ sẽ gặp rất nhiều khó khăn vì vụ án kéo dài qua nhiều năm nên họ không thể lưu giữ được tài liệu, chứng từ hoặc nếu có lưu giữ nhưng là những tài liệu, chứng từ không đáp ứng

với các quy định của pháp luật. Chính vì vậy, cũng cần phải đưa ra các biện pháp xử lý, giải quyết phù hợp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho nạn nhân là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị hoàn thiện luật pháp Việt Nam để tăng cường bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế

Việc nghiên cứu các quy định của pháp luật về bảo vệ nạn nhân nói chung cũng như là các quy định về bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi nói riêng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới theo tinh thần của Nghị quyết số 27 - NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả xin đưa ra một số vấn đề kiến nghị để hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế trong pháp luật Việt Nam đương đại như sau:

Thứ nhất, cần quy định cụ thể hơn nữa các biện pháp bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc một số nhóm yếu thế trong các văn bản pháp luật chuyên ngành. Luật Trợ giúp pháp lý cần có quy định về quyền trợ giúp pháp lý của đối tượng là người khuyết tật, người cao tuổi mà không phụ thuộc vào các điều khác như có khó khăn về tài chính hay phải là nhóm thuộc khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng để cho phù hợp với quy định về quyền được trợ giúp pháp lý quy định trong Luật Người khuyết tật, Luật Người cao tuổi. Việc không sửa hoặc điều chỉnh quy định như vậy sẽ tạo ra những mâu thuẫn pháp lý không cần thiết, không phù hợp với chủ trương chung của Đảng và nhà nước về các chính sách hỗ trợ cho nhóm người yếu thế trong xã hội nói chung và trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi nói riêng. Chính vì vậy, việc rà soát để điều chỉnh, sửa đổi một số quy định của Luật Trợ giúp pháp lý là rất cần thiết để đảm bảo tốt nhất quyền trợ giúp pháp lý của trẻ em, người khuyết tật, người

cao tuổi. Bên cạnh đó, một số nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi có các tổ chức hội để bảo vệ, đại diện quyền lợi hợp pháp cho họ nhưng công tác bảo vệ quyền lợi cho nhóm yếu thế này chưa thực sự hiệu quả, cần phải có quy định cụ thể chi tiết chức năng nhiệm vụ cho từng tổ chức hội cũng như giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, tránh tình trạng giao cho nhiều cơ quan đơn vị nhưng cuối cùng không cơ quan nào đứng ra bảo vệ, giải quyết.

Thứ hai, các quy định về quyền của bị hại thuộc một số nhóm yếu thế cần phải hướng đến việc tiếp cận ngang bằng, thậm chí phải cao hơn so với quyền của bị can, bị cáo theo hướng các bị can, bị cáo có những quyền để bảo vệ quyền lợi cho họ thì bị hại thuộc một số nhóm yếu thế cũng có những quyền để bảo vệ quyền lợi cho mình, thậm chí phải quy định cho bị hại có nhiều quyền hơn để họ có điều kiện được bồi hoàn, khắc phục thiệt hại một cách nhanh nhất có thể vì bản thân họ đã bị thiệt hại quá lớn. Bảo vệ bị hại, bảo vệ nạn nhân thuộc một số nhóm yếu thế trước hết quy định của pháp luật phải xác định cần có những quy định cụ thể, trực tiếp để giao cho chính họ tự bảo vệ mình trước. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại phải là người được quyền chủ động đề nghị, yêu cầu, tiếp cận những thông tin để có thể cập nhật kịp thời và đưa ra ý kiến, đề xuất, yêu cầu cụ thể nên cần thiết phải bổ sung quy định bị hại được quyền nhận bàn giao các văn bản tố tụng, trong đó đặc biệt là kết luận điều tra và cáo trạng.

Bên cạnh đó, quyền của bị hại là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi không thể thiếu đó là quyền nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng giai đoạn và điều kiện để thực hiện quyền này không được quy định cụ thể như đối với quyền nhờ người bào chữa của bị can, bị cáo. Do vậy, pháp luật cần quy định cụ thể quyền nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, cho nạn nhân là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi được thực hiện ở bất cứ giai đoạn nào nếu họ có đề nghị. Trường hợp họ không có điều kiện để nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ thì cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định, yêu cầu phân công người

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ, có nghĩa rằng họ là đối tượng bắt buộc phải có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp giống tương tự tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với đối tượng bắt buộc phải chỉ định người bào chữa cho bị can, bị cáo.

Thứ ba, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến hành vi phạm tội của bị can bị cáo được thực hiện đối với bị hại là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi cần được quy định và áp dụng cụ thể trong Bộ luật Hình sự. Việc Bộ luật Hình sự mới chỉ quy định các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến hành vi phạm tội của bị can bị cáo được thực hiện đối với người dưới 16 tuổi, người từ đủ 70 tuổi trở lên hay người khuyết tật nặng hoặc người khuyết tật đặc biệt nặng, người có hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi là với phạm vi quá hẹp trong nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi. Chính vì vậy, trên cơ sở đảm bảo, bảo vệ quyền con người, việc tiếp cận của Bộ luật Hình sự theo hướng mở rộng đối tượng trên cơ sở đối chiếu sang các luật chuyên ngành để quy định các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến hành vi phạm tội của bị can bị cáo được thực hiện đối với bị hại là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi là hết sức cần thiết.

Thứ tư, quyền có người bào chữa theo chỉ định của cơ quan tiến hành tố tụng được quy định cụ thể cho các bị can bị cáo thuộc trường hợp nếu họ hoặc người thân thích của họ mà không mời người bào chữa thì bắt buộc phải chỉ định người bào chữa cho họ gồm bị can, bị cáo phạm về tội mà Bộ luật Hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi. Trong khi đó, bị hại không có bất kỳ quy định nào về quyền có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Cụ thể bị hại có quyền tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ và trong một số trường hợp nhất định nào đó, bị hại cũng không có quyền được cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp vì Bộ luật Hình sự không quy định. Cách tiếp cận của

Bộ luật Hình sự như vậy mới chủ yếu hướng đến bảo vệ quyền lợi cho bị can, bị cáo, người bị buộc tội, chứ chưa quan tâm đến quyền lợi của bị hại. Có thể trong một số văn bản pháp luật chuyên ngành khác có quy định nhưng không mang tính toàn diện, triệt để. Do vậy, Bộ luật Hình sự cũng cần thiết phải đưa vào các quy định liên quan đến quyền được chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trong một số trường hợp họ thuộc nhóm đối tượng yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi nếu trong trường hợp họ hoặc người thân của họ không nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Thứ năm, việc giải quyết vấn đề dân sự, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự là một trong những nội dung trọng tâm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nói chung và nhóm bị hại là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi nói riêng. Tuy nhiên, trong rất nhiều trường hợp để đảm bảo thời hạn tố tụng theo quy định, cơ quan tiến hành tố tụng tách vấn đề dân sự ra khỏi vụ án hình sự để giải quyết thành một vụ án khác theo trình tự tố tụng dân sự với điều kiện không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên các tiêu chí, điều kiện về việc tách vấn đề dân sự để giải quyết thành một vụ án khác trong Bộ luật Tố tụng hình sự lại chưa được quy định một cách cụ thể, rõ ràng. Điều này có khả năng dẫn đến sự tùy tiện, chủ quan trong việc áp dụng pháp luật, dẫn đến việc giải quyết một số vụ án hình sự không đảm bảo các quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bị hại, trong đó đặc biệt bị hại là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi. Do vậy, cần phải có nhưng quy định chi tiết, cụ thể để xác định các tiêu chí, điều kiện về việc tách vấn đề dân sự, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự thành một vụ án khác giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự và cần quy định theo hướng hạn chế đến mức thấp nhất việc tách vấn đề dân sự ra khỏi vụ án hình sự khi bị hại là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi.

Thứ sáu, một trong những nội dung mà tác giả nghiên cứu thấy rằng khi là nạn nhân của tội phạm (dù là nạn nhân của tội phạm nói chung hay là nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu

thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi), cơ quan có thẩm quyền tố tụng thường chỉ quan tâm đến việc giải quyết vụ án đó, bị can bị cáo đó bị mức hình phạt như thế nào, thủ tục tố tụng đã đầy đủ, đúng pháp luật hay chưa và người bị hại được bồi thường bao nhiêu tiền trên bản án. Như vậy, việc bảo vệ bị hại gần như đã được hoàn tất.

Trong khi đó, việc bảo vệ bị hại, bảo vệ nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi phải được thực hiện từ khâu ban đầu, trước khi họ bị thiệt hại, cho đến trong quá trình giải quyết vụ án và sau khi ban hành bản án và cho đến khi họ đã được khắc phục, bồi hoàn toàn bộ thiệt hại, thậm chí cuộc sống của họ phải đi vào sinh hoạt ổn định như chưa từng xảy ra thiệt hại. Người gây ra thiệt hại có thể với nhiều lý do khác nhau, không tự nguyện khắc phục, bồi hoàn thiệt hại, thậm chí còn tìm các cách để lẩn trốn, cố tình tẩu tán tài sản, gây khó khăn, không muốn bồi thường. Các cơ quan thi hành án yêu cầu, gây khó khăn trong việc thi hành án, yêu cầu bị hại là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi cung cấp những thông tin liên quan đến người phạm tội trong khi họ không thể cung cấp được, các thông tin liên quan đến người phạm tội và người thân thích của người phạm tội cũng như tài sản của họ. Trong khi đó, các cơ quan pháp luật, cơ quan nhà nước sẽ nắm rõ và chắc chắn hơn, có điều kiện để truy xuất các thông tin nếu thấy cần thiết để thực hiện thủ tục thi hành án vì hiện nay chúng ta đang thực hiện công tác chuyển đổi số toàn diện để đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp. Do vậy, cần ban hành các quy định của pháp luật để đồng bộ hóa trong công tác thi hành án, thu hồi, bồi thường tài sản, đảm bảo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại, cho các nạn nhân của tội phạm, đặc biệt là nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi trong giai đoạn hiện nay.

6. Kết luận

Dưới góc độ nghiên cứu pháp luật bảo vệ nạn nhân của tội phạm trong phạm vi hẹp liên quan

đến một số nhóm yếu thế là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi theo pháp luật Việt Nam đương đại về cơ bản chúng ta đã nhận diện và đánh giá tích cực về các biện pháp bảo vệ mà pháp luật đã quy định, đã triển khai thực hiện. Các biện pháp đó phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế tại Việt Nam. Với cuộc cách mạng khoa học công nghệ ngày càng phát triển, cùng với điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam hiện nay, đặc biệt là trong việc triển khai, tổ chức thực hiện để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới thì chắc chắn các quy định của pháp luật trong việc bảo vệ nạn nhân của tội phạm sẽ được quan tâm ngày càng chi tiết, cụ thể, thiết thực, đặc biệt là một số nhóm yếu thế trong xã hội.

Lời cảm ơn

Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu trong Luận án Tiến sĩ: “Thực hiện pháp luật trợ giúp pháp lý đảm bảo quyền của người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay” của NCS. Nguyễn Văn Hà thực hiện tại Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Victim to Mean a Person Against Whom an Offense has Been Perpetrated, Alaska Stat. §12.61.900 (3), Vintim Law Bulletin, 2011.
- [2] J. W. Stickels, Victim Satisfaction - A Model of Criminal Justice System. Disertation, The University of Texas at Austin, 2003.
- [3] Đ. T. Mai, Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam (Sách chuyên khảo), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội năm 2014.
- [4] Bộ luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga năm 2001 (Bản tiếng Việt, 2002), Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phụ trương thông tin khoa học pháp lý, Hà Nội.
- [5] Commisions Proposal for a Directive Setting Out Minimum Rights for Victims, MEMO/12/659, pp. 45.
- [6] T. Q. Tiệp, Nạn nhân học một số vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, 04/2024.
- [7] Công ước về Quyền của Người khuyết tật 2007.
- [8] Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.
- [9] Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.
- [10] Luật Phòng chống mua bán người năm 2011.
- [11] Luật Phòng chống ma túy năm 2021.
- [12] Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2022.
- [13] Báo cáo nghiên cứu về bạo lực gia đình do Viện Nghiên cứu gia đình và Giới thực hiện năm 2019.
- [14] Đ. T. Úc, Những vấn đề chủ yếu về liên chính tư pháp trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay, trong cuốn “Cải cách tư pháp vì một nền tư pháp liên chính”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, tr.199 - 200.
- [15] Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.
- [16] Đ. C. Thìn, N. T. T. Trinh, Quan niệm về nạn nhân, bảo vệ nạn nhân của tội phạm trong quy định của pháp luật Việt nam, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân 03 (40) (2020) 74 - 79.
- [17] Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017.
- [18] Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15.
- [19] Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024.
- [20] Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.
- [21] Hiến pháp năm 2013.
- [22] Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/06/2025 của Quốc hội khóa 15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.